

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4363 /UBND-NC
V/v thực hiện chi trả chính sách,
chế độ đối với người nghỉ việc
theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP
và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP

Gia Lai, ngày 02 tháng 10 năm 2025

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ.

Thực hiện Công văn số 1237/TTg-TCCV ngày 01/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chi trả chính sách, chế độ đối với người nghỉ việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Công văn số 19/CV-BCĐ ngày 29/9/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp của Chính phủ (*đính kèm theo công văn này*); Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực XV và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan khẩn trương thực hiện dứt điểm việc chi trả chế độ cho các đối tượng nghỉ hưu, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn 15041/BTC-KTN ngày 26/9/2025 bảo đảm đúng quy định.

2. Tiếp tục chi trả kinh phí thực hiện giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp đề nghị tạm dừng tại Công văn số 2970/UBND-NC theo ý kiến đề xuất của Sở Tài chính tại Công văn số 2996/STC-TCHCSN ngày 29/9/2025 và trên cơ sở danh sách đã được Sở Nội vụ rà soát, tổng hợp bảo đảm đúng đối tượng theo quy định.

3. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 08/10/2025** để xem xét, báo cáo Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính theo yêu cầu tại Công văn số 1237/TTg-TCCV và Công văn số 19/CV-BCĐ nêu trên.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phối hợp triển khai thực hiện./. *nh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, C7.

JP

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 2996 /STC-TCHCSN

V/v thực hiện chính sách, chế độ
theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP
ngày 31/12/2024 và Nghị định số
67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025
của Chính phủ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 29 tháng 9 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Ngày 27/9/2025, Sở Tài chính nhận được Công văn số 2290/SNV-CCVC ngày 27/09/2025 của Sở Nội vụ về việc giải quyết chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc. Sau khi rà soát, Sở Tài chính kính báo cáo UBND tỉnh như sau:

Ngày 31/08/2025, Sở Nội vụ có Công văn số 1559/SNV-CCVC báo cáo việc thực hiện chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ, theo đó tại phụ lục 02, Sở Nội vụ đề xuất tạm dừng chưa phân bổ ngân sách **56 đối tượng** thuộc các cơ quan đơn vị cấp tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt danh sách và bổ sung kinh phí tại các Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 07/8/2025, số 1562/QĐ-UBND ngày 26/08/2025, số 1640/QĐ-UBND ngày 31/8/2025.

Trên cơ sở đề xuất của Sở Nội vụ, ngày 31/8/2025, UBND tỉnh có Công văn số 2790/UBND-NC chỉ đạo tạm dừng việc chi trả kinh phí thực hiện giải quyết chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc phát sinh hồ sơ sau ngày 01/7/2025 tại phụ lục kèm theo Công văn số 1559/SNV-CCVC (trong đó có **56 đối tượng** thuộc cơ quan đơn vị cấp tỉnh).

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, ngày 12/9/2025, Sở Tài chính có Công văn số 2415/STC-QLNS đề nghị Kho bạc Nhà nước khu vực XV quan tâm phối hợp chỉ đạo các Phòng giao dịch trực thuộc tạm dừng việc thanh toán, chi trả chế độ cho 56 đối tượng đã được UBND tỉnh xem xét, phê duyệt danh sách, kinh phí thực hiện nhưng được Sở Nội vụ đề nghị tạm dừng để rà soát, xin ý kiến Bộ Nội vụ.

Tuy nhiên, ngày 27/9/2025, tại Công văn số 2290/SNV-CCVC ngày 27/9/2025, Sở Nội vụ tổng hợp, kiểm tra, thống nhất danh sách, đề nghị Sở Tài chính giải quyết chính sách, chế độ đối với 194 cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc, trong đó **35 đối tượng/56 đối tượng** đã được UBND tỉnh phê duyệt và bổ sung kinh phí nhưng thực hiện tạm dừng chi trả kinh phí theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2790/UBND-NC; Đồng thời thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Công văn số 15041/BTC-KTN ngày 27/9/2025 về việc triển khai thực hiện Kết luận số 195-KL/TW của Bộ Chính trị: Khẩn trương hoàn thành việc chi trả chính sách, chế độ trước ngày 15 tháng 10 năm 2025 cho các đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-

CP đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 31 tháng 8 năm 2025 nhưng chưa được thanh toán.

Từ các nội dung trên, Sở Tài chính kính đề xuất UBND tỉnh xem xét, thống nhất cho chủ trương tiếp tục thực hiện chi trả chế độ đối với **35 đối tượng** đã được Sở Nội vụ tổng hợp trong danh sách giải quyết chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ tại Công văn số 2290/SNV-CCVC (chi tiết tại phụ lục I đính kèm) và đối với 21 đối tượng còn lại (56 đối tượng - 35 đối tượng) tiếp tục thực hiện chi trả chế độ sau khi có văn bản thống nhất của Sở Nội vụ (chi tiết tại phụ lục II đính kèm).

Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nội vụ (phối hợp);
- Kho bạc Nhà nước khu vực XV (phối hợp);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, TCHCSN.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Thu Hương

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH 35 ĐỐI TƯỢNG

(Kèm theo Công văn số /STC-TCHCSN ngày tháng 9 năm 2025 của Sở Tài chính)

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm nghỉ việc	Số tiền	Tờ trình	Quyết định	Ghi chú
	Tổng số người: 35 người				35.829.439.400			
I	1078/QĐ-UBND - 07/08/2025							
1	Phạm Thị Bích Hương	Chuyên viên chính Phòng Thi đua khen thưởng và người có công, Sở Nội vụ	08/09/1970	01/08/2025	824.937.750	139/TTr-STC - 05/08/2025	1078/QĐ-UBND - 07/08/2025	
2	Phan Minh Cường	Chuyên viên Phòng Công chức - Viên chức, Sở Nội vụ	22/10/1980	01/08/2025	1.061.424.000	139/TTr-STC - 05/08/2025	1078/QĐ-UBND - 07/08/2025	
II	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025							
3	Trần Tuấn Anh	Nhân viên phòng HC-TC-QT, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	16/07/1969	16/08/2025	612.076.250	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
4	Võ Văn Thái	Chuyên viên Phòng Quản lý chất lượng, Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Sở Giáo dục và Đào tạo	01/01/1968	18/08/2025	1.434.071.925	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
5	Lê Minh Trí	Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo	09/01/1967	18/08/2025	952.087.500	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
6	Trần Thị Tuyết Mai	Chuyên viên Phòng Giáo dục Mầm non - Tiểu học, Sở Giáo dục và Đào tạo	02/9/1974	18/08/2025	1.250.964.000	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
7	Đặng Thị Xuân Thùy	Chuyên viên Phòng Giáo dục Mầm non - Tiểu học, Sở Giáo dục và Đào tạo	15/4/1975	18/08/2025	1.530.477.000	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
8	Nguyễn Thị Thanh Nhã	Phó Chánh Văn phòng Sở Nội vụ	27/04/1972	01/09/2025	1.407.861.000	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
9	Trần Minh Ngọc	Phó Trưởng Phòng Tổ chức - Biên chế thuộc Sở Nội vụ	27/05/1970	01/08/2025	1.800.191.250	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
10	Nguyễn Hữu Thắng	Phó Trưởng Phòng Chính quyền, Thanh niên và Văn thư lưu trữ thuộc Sở Nội vụ	06/01/1973	01/09/2025	1.514.740.500	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
11	Trần Thị Hạ	Chuyên viên Phòng Chính quyền, Thanh niên và Văn thư lưu trữ thuộc Sở Nội vụ	07/09/1975	01/10/2025	1.118.724.750	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
12	Nguyễn Văn Khôi	Phó trưởng phòng QLDN - Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	02/12/1972	01/08/2025	1.638.965.250	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
13	Phạm Thị Lệ Quyên	Phó Chánh Văn phòng - Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	18/7/1973	01/08/2025	1.337.310.000	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
14	Trương Xuân Hồng Hải	Trưởng phòng, Phòng Kế hoạch - Tài chính và Thẩm định, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	15/04/1972	01/09/2025	1.136.339.100	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
15	Đặng Đình Vũ	Phó Trưởng phòng, Phòng Bồi thường Giải phóng mặt bằng	04/11/1972	01/09/2025	1.140.925.500	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
16	Lê Tú Toàn	Chuyên viên, Phòng Quản lý và Phát triển quỹ đất, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	04/07/1973	01/09/2025	1.010.880.000	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
17	Phan Hữu Hiếu	Phó Chánh Văn phòng, Ban An toàn giao thông tỉnh	26/09/1972	30/08/2025	1.646.979.750	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
18	Huỳnh Thị Thu	Chuyên viên Phòng Kiểm tra - Tuyên truyền, Liên minh Hợp tác xã tỉnh	04/04/1974	20/08/2025	691.747.875	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
19	Hà Thị Đức Hạnh	Kế toán Liên minh Hợp tác xã, Liên minh Hợp tác xã tỉnh	18/11/1970	20/08/2025	847.296.450	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
20	Mai Thị Lý	Trưởng phòng Công tác Quốc hội, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	05/10/1983	16/08/2025	1.149.525.000	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
21	Huỳnh Thị Thu Trang	Nhân viên phòng HCTCQT, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	26/03/1981	16/08/2025	739.200.000	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
22	Nguyễn Thị Hoàng Linh	Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo	14/12/1990	18/08/2025	686.687.625	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
23	Lê Anh Đức Huy	Nhân viên lái xe Sở Giáo dục và Đào tạo	27/11/1981	22/08/2025	600.015.750	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
24	Huỳnh Thị Hương	Chuyên viên Phòng TĐKT&NCC thuộc Sở Nội vụ	19/04/1976	01/08/2025	1.224.112.500	215/TTr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm nghỉ việc	Số tiền	Tờ trình	Quyết định	Ghi chú
25	Trịnh Thị Thu Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	02/10/1983	01/08/2025	831.325.950	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
26	Hoàng Thị Phương Hào	Lưu trữ viên, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	18/07/1979	01/08/2025	603.790.200	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
27	Huỳnh Thị Quyên	Lưu trữ viên, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	12/06/1986	01/08/2025	549.350.100	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
28	Tường Thị Hoa	Lưu trữ viên, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	04/12/1985	01/08/2025	589.013.100	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
29	Nguyễn Thị Kim Dung	Nhân viên Văn phòng Sở Tư pháp	10/10/1986	15/08/2025	590.220.000	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
30	Lê Thị Liễu	Kế toán viên, Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh	15/05/1984	06/08/2025	826.999.875	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
31	Trần Đoàn Thủy Dung	Chuyên viên Văn phòng, Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin tin	13/04/1987	06/08/2025	754.737.750	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
32	Võ Ngọc Quảng	Phó chánh Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	10/10/1977	30/08/2025	1129342500	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
33	Nguyễn Cao Như Trường	Chuyên viên Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	11/06/1978	30/08/2025	1051947000	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
34	Phạm Văn Thụy	Chuyên viên Phòng Kinh tế - Chính sách, Liên minh Hợp tác xã tỉnh	19/11/1975	20/08/2025	742259700	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
35	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Chuyên viên Văn phòng Hội Chữ thập đỏ tỉnh Gia Lai	14/04/1981	01/09/2025	802912500	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	

PHỤ LỤC II

DANH SÁCH 21 ĐỐI TƯỢNG

(Kèm theo Công văn số /STC-TCHCSN ngày tháng 9 năm 2025 của Sở Tài chính)

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm nghỉ việc	Số tiền	Tờ trình	Quyết định	Ghi chú
	Tổng số người: 21 người				16.904.165.781			
I	1562/QĐ-UBND - 26/08/2025							
1	Trần Anh Sơn	Phó Trưởng phòng, Phòng Thi đua khen thưởng và Người có công, Sở Nội vụ	11/03/1967	01/08/2025	1.215.951.750	180/TTtr-STC - 18/08/2025	1562/QĐ-UBND - 26/08/2025	
2	Trần Thị Vui	Chuyên viên, Văn phòng Sở Nội vụ	25/02/1981	01/08/2025	754.737.750	180/TTtr-STC - 18/08/2025	1562/QĐ-UBND - 26/08/2025	
3	Trương Quang Phú	Chuyên viên văn phòng, Sở Văn hóa - TT-DL	03/02/1974	01/08/2025	1.398.384.000	180/TTtr-STC - 18/08/2025	1562/QĐ-UBND - 26/08/2025	
4	Hồ Thị Thanh Thủy	Chuyên viên văn phòng, Sở Văn hóa - TT-DL	28/10/1986	01/08/2025	810.941.625	180/TTtr-STC - 18/08/2025	1562/QĐ-UBND - 26/08/2025	
5	Lưu Văn Bình	Chuyên viên phòng Quản lý Thể dục thể thao, Sở Văn hóa - TT-DL	13/06/1979	01/08/2025	1.023.516.000	180/TTtr-STC - 18/08/2025	1562/QĐ-UBND - 26/08/2025	
II	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025							
6	Nguyễn Ngọc Minh	Nhân viên bảo vệ Sở Giáo dục và Đào tạo	26/10/1967	18/08/2025	427.625.000	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
7	Lê Hồng Chiên	Nhân viên bảo vệ Sở Giáo dục và Đào tạo	19/9/1972	18/08/2025	638.909.400	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
8	Trần Thị Kim Loan	Nhân viên phụ vụ Sở Giáo dục và Đào tạo	28/09/1971	22/08/2025	382.500.000	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
9	Lê Thị Quang Yển	Phó Trưởng phòng Phụ trách Bảo hiểm thất nghiệp	22/06/1971	01/9/2025	729.237.600	215/TTtr-STC - 28/08/2026	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
10	Nguyễn Lê Thư	Trưởng phòng Việc làm và Thông tin thị trường Lao động	17/05/1969	01/9/2025	1.056.732.300	215/TTtr-STC - 28/08/2027	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
11	Nguyễn Thị Kim Loan	Phó Chánh Văn phòng, Sở Công Thương	02/08/1971	01/08/2025	1.358.472.668	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
12	Nguyễn Thị Nam	Nhân viên phục vụ Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh	03/05/1972	01/08/2025	438.048.000	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
13	Trần Kiên	Phó Chánh văn phòng, Sở Công thương	07/08/1981	01/08/2025	1.134.168.750	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
14	Nguyễn Thị Diễm Kiều	Phó phòng Quản lý thương mại	20/12/1975	01/08/2025		215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
15	Huỳnh Thị Kim Chung	Phó Chánh Văn phòng	09/06/1978	01/08/2025		215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
16	Huỳnh Thị Phụng	Chuyên viên Văn phòng, Sở Văn hóa - TT-DL	26/02/1980	15/08/2025	1.051.947.000	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
17	Lê Thị Tú Châu	Chuyên viên Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	28/03/1976	01/08/2025	1.357.382.813	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
18	Nguyễn Phùng Hưng	Chuyên viên chính Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	26/03/1984	01/08/2025	1.023.165.000	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
19	Nguyễn Thị Thúy An	Chuyên viên Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	15/05/1982	01/08/2025	794.883.375	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
20	Phạm Thị Út	Chuyên viên Phòng Kinh tế - Chính sách, Liên minh Hợp tác xã tỉnh	17/11/1987	20/08/2025	686.687.625	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	
21	Phạm Quyết Thắng	Chuyên viên, Sở Y tế	04/07/1984	01/08/2025	620.875.125	215/TTtr-STC - 28/08/2025	1640/QĐ-UBND - 31/08/2025	